

DOÃN QUỐC SỸ

VÀO THIÊN



SÁNG TẠO



Giai thoại tùy bút

Doãn Quốc Sỹ

**SÁNG TẠO
XUẤT BẢN 1969**

VÀO THIÊN

doãn quốc sỹ

bìa: *Sáng Tạo*

trình bày: *Muôn Phương*

nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Vào Thiên

DOÃN QUỐC SỸ

TÔI chẳng nhớ rằng mình đã để ý đến Thiền tự bao giờ chỉ biết chắc rằng những ý tưởng nhuộm màu Thiền đã nhật tích nguyệt lũy thấm dần vào tôi như những giọt nước rơi liên tục làm lổm phến đá.

Xưa có lần nghe chuyện kể ngài Tuệ Trung đời Trần tu mà vào tiệc vẫn ăn thịt cá. Em gái ngài là Khâm Từ hoàng hậu ngạc nhiên hỏi:

– Anh đã tu Thiền mà còn ăn mặn làm sao thành Phật được?

Ngài cười đáp:

– Phật là Phật, anh là anh, anh chẳng cần làm Phật, cũng như Phật chẳng cần làm anh! ...

Lời nói thật hồn nhiên phá chấp. Lần khác nghe kể chuyện ngài Đạt ma Huệ-Năng nói gánh nước bồ củi cũng là Thiền (Vận thủy ban sái, công phu đệ nhất). Gần đây tôi đọc cuốn *Nẻo Về Cửa Ý* của Nhất Hạnh cũng có đoạn tác giả viết quét nhà, lau cầu tiêu mà lòng thơ thới, mà hồn phơi phơi tức thị cũng là Thiền rồi. Mở đầu đoạn này — tôi còn nhớ Nhất Hạnh tả một thằng bé con vừa ngồi ăn cơm với quả trứng luộc vừa ngắm trời mưa và đã gọi tả được trạng thái vô tư, thơ thới — trạng thái Thiền của thằng bé con nhà nghèo đó. Trên các sách báo, gặp bất kỳ đoạn nào, bài nào nói về Thiền tôi cũng đọc, rồi cái gì hợp với mình thì nhớ (nhiều khi chỉ nhớ mang máng) còn cái gì rơi vào quên lãng ắt là những cái vô bổ với tạng mình. Tôi vẫn nghĩ một cách

rất chú quan rằng thái độ đọc Thiền như vậy mới thật là... Thiền.

Mùa hạ 1967 tại Tallahassee, thủ phủ tiểu bang Florida, tôi được một người bạn Mỹ yêu đạo Phật tặng cho cuốn sách Thiền xinh xinh mang nhan đề Zen Buddhism của nhà xuất bản The Peter Pauper Press, Mount Vernon, New York, 1959. Lần đó tôi được đọc những giai thoại nhỏ dí dỏm về Thiền giữa màu sắc bùng sáng của những loại hoa cúc, hải đường, azalea của miền Nam, phảng phất mùi hương thanh thanh của hoa magnolia, đôi khi dưới bóng rừng ngợp màu rêu, loại rêu ngan ngát tím bao phủ lấy các cành cây và rủ xuống như tơ liễu, Phần lớn những dụ ngôn, giai thoại về Thiền các bạn đọc sau đây đều kể lại theo bản in này. Đó là những truyện có tác dụng « tập thể dục » cho trí thức, giúp ta tự khám phá thấy cái bất lực thâm trầm của lý trí đơn thuần.

Thực là một thái độ ấu trĩ đến khô
hài khi chúng ta hăm hở muốn định nghĩa
Thiền, nhưng với những ai chợt hồn nhiên
hỏi tôi:

– Thiền là gì? thì tôi cũng hồn nhiên
trả lời:

– Theo kinh nghiệm bản thân của tôi:
Thiền là một trạng thái Niết bàn tại thế.

Thực ra yếu tính Thiền là một siêu lý,
một siêu lộ, một sự phê chấp được đẩy đến
tuyệt đối để chân tướng thực tại tự bùng nổ
trong thực nghiệm tâm linh của ta.

Khi đã thấm nhập hương Thiền thái
độ dễ hiểu nhất là thái độ thức tỉnh nóng
bỏng tự động phá chấp y như chiếc lò xo có
khuy nh hướng ruỗi ra khi bị ép. Nhất định
không chịu để lý trí nhốt mình chung thân
trong nhà tù khái niệm!

Dòng đời như dòng sông, không một sích na nào ngừng trôi chảy, nô lệ cho lý trí đơn thuần ham cắt xén, thì chỉ thấy được cái ngưng đọng, cái chết. Những khái niệm con đẻ của lý trí chật hẹp và khô cứng kia làm sao chụp được dòng thực tại không ngừng triển miên trong thể tương sinh tương lập.

Con cá thành thoi bơi lội giữa lòng trùng dương khác xa với cái nhìn, với kiến thức của con cá trong một giây phút nào đó vùng quẫy được lên cao khỏi mặt nước và tìm hiểu đại dương bằng cái nhìn – dù là cái nhìn bao quát – của nó lúc đó.

Chân lý gói ghém trong mỗi truyện Thiên đúng như qua diêm chỉ xòe lên soi sáng một lần. Cùng một câu hỏi, đừng hy vọng có hai câu trả lời lần lượt y như nhau.

Mỗi chúng ta là một que diêm sống, không ai sống hộ ta, ta phải tự sống lấy, tự chiêm nghiệm lấy Thiên. Que diêm khi tắt đi, chút khói xanh để lại. Rồi chính chút khói xanh đó cũng tan loãng nốt và biến hẳn như vết chân gió xóa trên bãi cát. Tuy nhiên cũng nên chụp lấy chút ít khói xanh còn trong giây phút phiêu lãng đó, bởi dù cho khái niệm không chuyên chở được thực tại những người ta vẫn có thể nương vào khái niệm để tìm tới thực tại. (Vì vậy mà tôi viết tập Vào Thiên này.)

Nào chúng ta hãy thực tế vào Thiên, làm quen với phá chấp, học hỏi phá chấp. Với những tiêu đề Vào Thiên, Lời Thiên, Đạo Thiên v. v... xin ai chớ ngạc nhiên khi thấy chúng chột hư ảo đi và lẫn lộn ranh giới.

Có ai tóm giữ được nước trong vốc tay đâu?!

LỜI THIỀN

THIỀN sư Kyogen nói với các môn đệ của ông:

– Thiền như hệt một người ở thể tự treo lơ lửng trên bờ vực thẳm. Răng hấn cắn lấy một cành cây để giữ toàn thân lơ lửng lơ trên vực. Tay hấn không hề nắm giữ một cành cây nào; chân hấn không hề được đặt trên một cành cây nào. Thế rồi ở trên một mỏm đá gần đấy có người cúi xuống, cao giọng hỏi hấn:

– Này anh Thiền, là gì?

Không trả lời, hấn thua cuộc. Mở miệng

trả lời ư? Nát thây dưới đáy vực! Vậy hẳn phải làm gì?

* * *

Giải thích Thiên, tìm hiểu Thiên qua lời nói đơn thuần, nguy hiểm biết chừng nào, nguy hiểm như vậy đó! Không thể đựng mây hồng trong hộp sắt, không thể vẽ bướm bằng cành tre! Là tôi nhờ lại đâu đó lời của Pearl Buck.

* * *

Schuzan tiên sinh giờ chiếc gậy của người lên trước đám môn đệ nói:

– Nếu gọi cái này là cái gậy, các người phủ nhận đời sống vĩnh cửu của nó. Không gọi nó là gậy, các người phủ nhận thực tại của nó. Hãy cho ta hay các người định gọi nó là gì nào!

Ồi, khi Lão Tử nói: « Đạo khả đạo phi thường đạo », Lão tử chỉ đi có một chiều: Vươn về cái vĩnh cửu. Schuzan tiên sinh đặt các môn đệ ở một vị trí mà tư duy bị tứ mã phanh thi.

* * *

Áo-ngĩa-thư Upanishad cũng phân biệt hai trình độ hiểu biết: thượng trí và hạ trí. Cái biết thượng trí là cái biết về thực tại tuyệt đối, còn cái biết hạ trí là cái biết về các hiện tượng vô thường, hình danh sắc tướng. Tuy nhiên hạ trí không phải là không có ích lợi. Hiểu cho đúng, nó là một phương tiện đưa ta đến cái biết thượng trí. Điều cần ghi nhớ là khi đã tới bến hành khách phải rời thuyền mới lên bộ được. Ngày xưa đức Phật há chẳng trách A-nan thường hay quá nệ vào kinh kệ, nào có khác gì con lừa chở nặng trên đường xa.

Phải vút bỏ vỏ trấu mới lấy được hạt gạo chứ!

* * *

Thiền sư Foso Hoyen nói với các môn đệ:

– Này các con, thầy nghe nói sinh thời đức Phật có dạy tới năm ngàn bốn mươi tám chân lý, kể cả chân lý về hư vô và thực hữu, kể cả chân lý về tiệm ngộ và đốn ngộ. Phải chăng hết thảy những lời Phật dạy đó đều là những lời khẳng định?

Nhưng một mặt khác Yoka đại nhân, trong cuốn Giác-ngộ-ca của người, lại nói không có thực hữu, không có Phật; kẻ hiền giả, kẻ thông minh thánh trí chẳng qua như bọt bể, như tia chớp, có đấy không đấy, loé sáng đấy lại tối mò đấy. Phải chăng tất cả những lời của Yoka đại nhân đều là những lời phủ định?

Này các con, nếu các con nói « có », các con phủ nhận Yoka đại nhân; nếu các con nói « không » các con phản đối lời Phật dạy. Nếu đức Phật có đây, không hiểu Ngài sẽ giải quyết vấn đề ra sao.

Giả như các con biết chắc mình đứng hẳn về bên nào chúng ta gặp Phật, chúng ta có thể sáng sủa tới thụ huấn Ngài và chiêu chiêu chào Ngài trước khi đi ngủ. Nhưng vì chúng ta không ai có thể đoán chắc là mình ở hẳn về bên nào, nên ta nhủ các con một bí quyết: khi ta nói cái này như vậy đó, chưa hẳn câu đó đã hoàn toàn là câu khẳng định. Khi ta nói cái này không phải như vậy đó thì chưa hẳn câu đó đã hoàn toàn là câu phủ định. Quay về Đông mà thấy được giải đất linh thiêng miền Tây-vực; hưởng về Nam mà tìm ra chòm sao Bắc Đẩu..

Trang-Tử viết trong Nam-hoa-kinh,
Tập thiên:

Đặt nơm là vì cá,

Được cá hãy quên nơm.

Theo dò là vì thỏ,

Được thỏ hãy quên dò.

Nên lời là vì ý.

Được ý hãy quên lời.

*Ta sao tìm được người biết quên lời
để cùng nhau trò chuyện.*

* * *

Một thiên viện mới được thành lập,
Thiên sư Hyakujo cần tuyển chọn một
người trong đám môn đệ để trông nom
Thiên-viện đó. Tiên sinh bèn cho gọi đám
môn đệ tới, chỉ một chiếc bình chứa đầy
nước và nói:

– Trong các con liễu có ai giải thích được cái này là cái gì mà không cần gọi đến đích danh nó?

Thiền sinh trưởng tràng được phát biểu trước:

– Nó đứng thẳng, nó rộng lòng, nhưng chẳng phải là chiếc giày bằng gỗ.

Một Thiền sinh khác:

– Nó chẳng phải là một cái ao, bởi người ta khênh nó được.

Thiền-sinh em út phụ trách việc bếp nước, lẳng lặng đứng lên lấy chân đạp chiếc bình vỡ lăn chiêng, nước tung tóe ra sàn.

Một cách đạt ý vô ngôn hảo diệu! Ý thức dính liền thực tại (cái mà thế nhân gọi là cái bình), ý thức hòa với thực tại, ý thức là thực tại khi bình vỡ lăn chiêng, khi nước chảy lênh lán!

Thiền sinh được cử trông coi Thiền-viện.

* * *

Thiền là siêu lý, siêu lộ! Với mọi tiếng nói lý giải Thiền, lập tức Thiền khép lại như lá hồ người. Thiền khép cánh lại như vậy để ôm lấy niềm im lặng vô ngôn. Mà kỳ lạ thay. Vô ngôn những không tách rời thực tại. Chính vì vô ngôn mà cụ thể toàn diện. Chính trong niềm im lặng vô ngôn đó, những vang vọng, ý nghĩ, nhựa sống của ngôn từ của hành động, của ý nghĩa càng tràn bờ để xóa bỏ mọi biên giới mà tầm gọi, bao dung lấy hết thấy.

Kìa chuyện trên núi Linh Thứu, Phật đưa một cánh hoa sen lên cao và im lặng. Tất cả đều ngơ ngác, duy Ca-Điếp mỉm cười thông ý. Phật đẹp lòng gật đầu mà rằng:

– Đạo ta bất khả thuyết. Lời nói chỉ làm mất đạo mà thôi, điều cần là phải biết quan tâm để trực ngộ.

Ngài Ca-Diếp từ đó được coi như Sư tổ của phái Thiền,

Lời với đạo như bóng với hình. Tuy hai mà một! Nhưng ở trên đã chốt có Lời Thiền thì ở dưới xin tiếp: Đạo Thiền.

ĐẠO THIỀN

|| **L**ão Tử nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo”

o O o

Theo Áo nghĩa thư Upanishad; Brahman (Đại ngã) là cái ngã vũ trụ đại đồng; Atman (Tiểu ngã) là cái ngã cá nhân phức biệt, nhưng sự phức biệt đó chỉ là giả tưởng vì bản chất cả hai đồng tính với nhau. Câu định nghĩa kỳ diệu về thực tại đồng nhất Brahman — Âtman như sau: “Cái ngã ở trong lòng ta nhỏ hơn hạt gạo, nhỏ hơn hạt mè, nhỏ hơn hạt cải, nhỏ hơn hạt kê. Cũng cái ngã ở trong lòng ta, lớn hơn trái đất, lớn

hơn bầu khí quyển, lớn hơn cả bầu trời, lớn hơn tất cả mọi thể gian.”¹

Vì vậy trong Upanishad Brahman và Âtman thường được dùng lẫn lộn, không phân biệt...

Tóm lại Brahman là một thực tại vô hạn hằng cửu, vừa ngoài, vừa ở trong tất cả những thân xác hữu hạn, là nguồn phát sinh ra vũ trụ, thần thánh và muôn vật trong vũ trụ.

Đạo sĩ Varuna đáp lời con là chàng Bh-rigu hỏi về Brahman: “Cái do đấy mọi vật sinh ra, cái nhờ đó mọi vật sống được, và cái ở đó mọi vật trở về sau khi chết. Con hãy tự tìm hiểu lấy, cái đó là Brahman”.

¹ Trong bài “Trả Lời Pháp Dung Hỏi về Sắc Không Phạm Thánh” của Khánh Hỷ thiền sư đời Lý có câu:

Kiên khôn tận thị mao đầu thượng.

Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.

Ngô Tất Tố phiên dịch:

Kiên khôn rút lại đầu lông sáu

Nhật nguyệt nằm quanh hạt cải mòng.

Trong Taittirîya Upanishad, Tuyệt-đối Brahman được quan niệm như một cái tổ chim có ba con chim nhỏ đầu ra là Viraj, Hiranya-garbha và Ishvara.

Khi Tuyệt-đối được quan niệm là độc lập tự hữu thì gọi là Viraj; khi được coi là tinh thần của vũ trụ thì gọi là Hiranya garbha; khi được coi là Thượng đế hữu ngã thì gọi là Ishvara. Ishvara trở thành Brahma (thần Sáng tạo). Vishnu (thần Bảo tồn) và Shiva (thần Hủy diệt) là ba chức phận có liên hệ nhân quả với nhau. Thực tại chẳng phải là tổng số của tất cả những ý niệm trên đây mà là sự đồng nhất không thể diễn tả được bao gồm tất cả những ý niệm dị biệt kia.

Tuy nhiên càng cố gắng định nghĩa và định tính Brahman bao nhiêu ta càng cảm thấy bất mãn bấy nhiêu. Càng mô tả càng thấy mọi sự mô tả đều thiếu sót. Rất

cuộc người ta luôn luôn phải tự nhắc nhở là Brahman không thể mô tả được mà phải thực hiện. Trong Mandūkya Upanishad có nói tới bốn trạng thái thực hiện Brahman minh bạch và chân xác là: thức, mộng, ngủ-say-không-mộng và trực giác thuần túy.

Trong trạng thái thức, tự ngã thể hiện qua những đối tượng bên ngoài của giác quan; trong trạng thái mộng, từ ngã thể hiện trong một thế giới ảnh tượng và có sự thực nghiệm tế nhị; trong trạng thái ngủ-say-không-mộng, tự ngã trở nên thuần nhất, không phân biệt chủ thể và khách thể, tinh thần vượt ra khỏi các ảnh tượng ý niệm và dục vọng; nhưng lại e rằng có thể bị ngộ nhận là một trạng thái vô thức tuyệt đối nên mới nói thêm trạng thái thứ tư, trạng thái trực giác thuần túy hoàn toàn vượt ra khỏi thế giới ảnh tượng và ý niệm lưỡng nguyên, thực sự đồng nhất chủ thể với khách thể, tiểu-ngã với đại-ngã.

Trong Chândogya Upanishad có thuật lại dụ ngôn đi tìm chân-ngã Âtman giữa hai đại diện của Thần và Quỷ như sau:

Một hôm đấng Thượng đế Prajâpati nói:

– Chân-ngã Âtman không bị tội lỗi làm nhơ nhuốc, không bị tổn hại vì tuổi già, đau khổ hay sự chết; không bao giờ đói, không bao giờ khát. Chân-ngã không ham muốn gì vì luôn luôn đầy đủ. Người nào nhận biết được Âtman sẽ là chúa tể của tất cả mọi thế gian, trở nên bất tử và đạt được hạnh phúc viên mãn.

Các thần linh và loài quỷ đều nghe rõ lời nói của đấng Thượng đế Prajâpati, các thần linh chọn Indra, còn loài quỷ chọn Virocana để gởi đến làm đệ tử Ngài.

Sau một thời gian tu tập là ba mươi hai năm, cả hai được Prajâpati gọi đến và bảo rằng:

– Cái ngã mà các người thấy ở trong tròng con mắt là Âtman. Đó cũng là cái ngã mà các người thấy ở dưới nước hay trong tấm gương soi. Hãy đi xem cái ngã ấy rồi trở lại nói cho ta nghe.

Mấy hôm sau Indra và Virocana trở lại nói:

– Thưa ngài, chúng tôi đã thấy cái ngã của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy ở trong gương đầy đủ hình ảnh của thân xác suốt từ đầu tới dưới chân.

Prajapati dạy tiếp:

– Nay các người hãy cạo đầu, thay đổi quần áo mới rồi lại đi soi gương nữa xem.

Hôm sau cả hai trở lại mừng rỡ khoe rằng:

– Chúng tôi thấy cái ngã ở trong gương rất tươi đẹp và sạch sẽ.

Nói xong cả hai hoan hỉ ra đi.

Quỷ vương Virocana trở về dạy lại cho đồng loại cái nhận thức sai lầm ấy về chân ngã. Về phần Indra, khi đi được một quãng đường, bỗng suy nghĩ lại và nhận thấy mình đã vội lắm. Thật thế, nếu hình hài thay đổi mà cái ngã ở trong cũng thay đổi theo thì khi hình hài chết đi, cái ngã ấy tất cũng không còn. Như vậy, cái ngã phản chiếu ở trong gương hay dưới nước đâu phải là chân ngã bất diệt!

Indra bèn trở lại với Prajâpati, giải bày thắc mắc của mình và xin được học thêm.

Prajapati bắt Indra tu tập thêm ba mươi hai năm nữa rồi mới dạy tiếp:

– Cái ngã hạnh phúc trong giấc mộng, đấy là chân ngã.

Indra sung sướng ra về, nhưng đi được nửa đường lại bỗng thấy ngờ vực ý nghĩa

của lời dạy. Thực thế, cái ngã trong giấc mộng không phải bao giờ cũng hạnh phúc, mà có nhiều khi đau đớn cả về thể chất lẫn tinh thần. Như vậy cái ngã ở trong mộng không thể nào là chân ngã Âtman.

Một lần nữa Indra trở lại giải bày thắc mắc ấy với Prajâpati. Cũng như lần trước, Indra phải tu thêm ba mươi hai năm nữa, Prajapati mới dạy tiếp:

– Cái ngã bản nhiên thanh tịnh trong giấc ngủ say không mộng, đó chính là chân ngã.

Indra suy nghĩ và tin chắc lần này đã đạt được chân lý nên vui vẻ ra về. Khi gần tới nơi bỗng lại thấy loé lên một niềm ngờ vực khác: trong giấc ngủ-say-không-mộng cái ngã không tự biết mình. Như vậy cái ngã vô thức ấy không thể nào là Âtman hoàn toàn sáng suốt được.

Không nản chí, Indra quay trở lại tìm Prajapati. Lần này đấng Thượng Đế chỉ bắt Indra tu thêm năm năm nữa. Sau đó ngài dạy rằng:

– Hỡi Indra, người đã hiểu biết được chân ngã nhờ sự thành tâm bền chí và lòng khao khát tìm sự thật. Thân xác này chỉ là vật chất vô thường và là nơi trú ngụ tạm thời của chân ngã vô hình, bất tử. Chừng nào chân ngã còn ở trong thân xác thì cũng có vẻ sinh hoạt theo xấu, tốt, sướng, khổ. Nhưng thật ra nó ở trên hết mọi hoàn cảnh đối nghịch. Cũng như gió mây, sấm chớp vốn vô hình nhưng cũng có khi xuất hiện thành hình tượng trên nền trời rồi lại tan biến đi, chân ngã vô hình cũng trú ngụ trong những thân xác vật chất hữu hạn. Khi thân xác chết, nó lại trở về hợp nhất với đại ngã vô cùng.

Dụ ngôn trên đây trình bày cho ta thấy

các giai đoạn thực hiện chân ngã Âtman, tương tự với bốn giai đoạn thực hiện Brahman đã được mô tả trong Mândâyka Upanishad: thức, mộng, ngủ-say-không-mộng, và trực giác thực hiện chân như đồng nhất hóa Âtman – Brahman.

Dụ ngôn trên cũng giúp ta phân biệt thần với quỷ, phân biệt chẳng phải do hình thức bên ngoài mà do giá trị tâm linh nội tại. Quỷ vương Viracana không thực hiện được chân ngã chỉ vì đã tự mãn với tri thức về cái ngã hiện tượng, trong khi chúa tể các vị thần là Indra thực hiện được chân ngã vì thành tâm và bền chí trong việc học hỏi và thực nghiệm tâm linh. Ôi, con đường đi tìm chân lý quả thật chật hẹp và bén nhọn như lưỡi dao cạo rất khó vượt qua.²

o O o

2 Xin đọc: Lê Xuân Khoa, Nhập Môn Triết Học Ấn Độ, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, 1965. (Chương thứ tư và thứ năm: Upanishad)

JOSHU tới thỉnh giáo sư phụ là Thiền sư Nansen:

– Thừa sư phụ, thế nào là Đạo, thứ đạo chân thực?

– Thứ đạo thường hàng ngày là đạo chân thực. Thiền-sư đáp.

– Vậy con phải học thế nào để đạt đạo?

– Người càng học càng xa đạo!

– Nếu con không học đạo làm sao con đạt đạo cho được?

– Đạo không thuộc cái mình trông thấy hoặc cái mình không trông thấy. Đạo cũng không thuộc cái mình biết hay không biết. Đừng đi kiếm Đạo, đừng tìm hiểu Đạo, đừng khoác lên Đạo những nhãn hiệu ngôn từ. Muốn chính mình thể nhập vào Đạo hãy mở rộng mình như đất, trời.

* * *

Một vị ẩn sĩ sống trên núi cao, có lần có một vị tăng tới xin tiên sinh chỉ giáo cho thế nào là Đạo.

Ẩn Sĩ đáp:

– Núi này mới đẹp làm sao!

Nhà sư:

– Thưa tiên sinh, tôi không hỏi người về núi, mà hỏi về Đạo.

Vị ẩn sĩ:

– Khi thấy chưa vượt được núi thì làm sao thày đạt được Đạo?

* * *

Một lần có đệ tử tới thỉnh giáo Tuệ Trung thượng sĩ³: Đạo là gì?

3 Ngài tên thực là Trần Quốc Tăng, con đức Hưng-Đạo-Vương, anh ruột Khâm-Tử hoàng hậu đã từng có công đánh giặc Nguyên và được phong tước Hưng-Nhượng-Vương.

Ngài đáp:

– Đạo ở chỗ không hỏi. Hỏi không phải là đạo.

Người đệ tử lại hỏi:

– Ngài Cổ Đức bảo vô tâm là đạo, thưa như vậy có phải không?

Ngài đáp:

– Vô tâm không phải là đạo. Vốn không có đạo, mà cũng chẳng có tâm.

* * *

Có người tới hỏi một vị Thiền sư:

– Xin tiên sinh chỉ giáo cho biết Đạo là thế nào?

Vị thiền sư đáp:

– Ở ngay trước mắt người.

– Sao đệ tử không nhìn thấy gì cho đệ tử cả?

– Vì người còn mãi nghĩ về bản thân người.

– Thưa Thiên sư về phần người thì sao, người có thấy Đạo không?

– Khi còn giữ cái nhìn đối đãi, phân biệt cái này ta, cái kia không ta, thì cái nhìn còn ngụp lặn trong mê mờ chẳng thể thấy được cái gì.

– Thưa Thiên sư, khi đã có cái nhìn thuần thành không còn phân biệt ta với không ta nữa thì liệu có thấy Đạo hiển hiện không?

– Khi đã không còn ta và không ta thì còn ai là kẻ muốn nhìn đạo nữa?

Phải đẩy vạn sự vào hư không. Nhưng hư không cũng còn là khái niệm. Cho nên cuối cùng chính khái niệm hư-không cũng phải được đập vỡ nốt để giải phóng cho thực tại bùng nổ chan hòa. Cũng như khi hỏi:

– Nếu có người đã ngồi chót vót trên một cột cao trăm bộ, làm thế nào để có thể vượt xa hơn nữa bây giờ?

Một Thiên sư đã đáp:

– Người đó phải đạt tới giác ngộ để có thể cùng một lúc đứng ở cả bốn phương trời.

Tới đây chúng ta đã chạm trán với Hư-vô rồi. Vậy xin hãy bước sang Hư-vô!

AI HAY KHÔNG CÓ CÓ KHÔNG LÀ GÌ

Có phải Thiên hay đề cập đến hư vô, đến trống rỗng, đến cái không?

Thiên sư Kokushi gọi môn đệ: – Oshin!

Oshin thưa: – Dạ.

Kokushi gọi: – Oshin!

Oshin thưa: – Dạ.

Kokushi gọi nữa: – Oshin!

Oshin thưa nữa: – Dạ.

Kokushi tiên sinh nói:

– Ta xin lỗi đã gọi đi gọi lại tên người như vậy. Nhưng thực ra chính người phải xin lỗi ta mới phải.

Phải chăng Oshin phải xin lỗi thầy vì ngã chấp?

o O o

DỮ CHƯ KỲ TÚC GIẢNG

CỨU THIỀN CHỈ

Bát nhã chân vô tông

Nhân không ngã diệt không

Quá, hiện, vị lai Phật

Pháp tính bản tương đồng

Lý Thái Tôn

CÙNG CÁC GIÀ LÃO BÀN

VỀ Ý NGHĨA ĐẠO THIÊN

Đạo Phật vốn không giòng,

Người không, mình cũng không,

Trước, rầy, sau các Phật

Pháp tính vẫn cùng chung.

Ngô Tất Tố dịch

o O o

Đức Bodhidharma lựa chọn trong đám đệ tử kẻ xứng đáng nhất trao y bát cho. Từ đấy các vị trưởng môn đều theo tập tục trao y bát đó. Gunin là vị trưởng môn thứ năm, tuyên bố sẽ trao y bát cho môn đệ nào viết được bài kệ hàm ngụ đầy đủ ý nghĩa của Thiên phái.

Thiên sinh trưởng tràng bèn ghi lên
giấy bài kệ như sau:

Thân ta, cây bồ đề,
Hồn ta như gương kia.
Tu học giữ gương sáng,
Kéo bụi phủ còn chi.

Không môn đệ nào dám hạ bút thi đua
với Thiên sinh trưởng hàng đó. Mãi tới
hoàng hôn, Yeno, một thiền sinh đàn em
khác, mới làm hết công việc và từ bếp lên.
Qua hành lang, Yeno dừng lại đọc bài kệ
treo bên tường, rồi nguyệt ngọc viết một
bài khác ngay bên dưới:

Bồ Đề vốn chẳng có,
Gương sáng cũng hư vô,
Vạn pháp đều như rúa,
Hỏi bụi phủ nơi mô?

Tối khuya sử phụ gọi Yeno tới phòng, nói:

– Ta đã đọc bài kê của người, nay ta chọn người làm kẻ kế vị. Hãy nhận tấm áo và chiếc bát này. Nhưng các sử huynh người tất nổi lòng ghen tị, vậy người hãy rời Thiên viện ngay đêm nay trong khi họ còn ngủ để tránh mọi phiền muộn.

Hôm sau vị sử huynh trưởng-tràng hay tin bèn tức khắc đuổi theo. Tối trưa thì bắt kịp Yeno, vị sử huynh xông vào định giằng lấy y bát. Yeno đặt những thứ đó xuống đường, nói:

– Những thứ này chẳng qua chỉ có giá trị tượng trưng; nếu quả sử huynh quá chấp vào những thứ đó xin cứ tự tiện cầm lấy.

Vị sử huynh hăm hở cúi xuống nhắc liền, nhưng cả áo lẫn bát đều nặng tựa núi, không sao nhúc nhích nổi. Sau cùng vị sử

huynh đành nói:

– Xin đạo hữu thứ lỗi cho, giờ đây tôi chỉ muốn lĩnh lời chỉ giáo vàng ngọc của đạo hữu, chứ không còn chấp vào những vật như thế nữa.

Yeno nói:

– Vậy hãy xin ngừng nghĩ vật này của ta, vật kia không phải của ta. Xin cho hay hiện sư huynh ở đâu? Và cho biết thêm khuôn mặt sư huynh ra sao khi chính các vị phụ mẫu của sư huynh cũng chưa cất tiếng chào đời?

o O o

ĐỐI THÁI TÔN THAM VẤN THIỀN CHỈ

Tịch tịch Lãng-già nguyệt.

Không không độ hải chu

Tri không, không giác hữu

Tam muội nhiệm thông chu

Huệ-Minh Thiên-Sư

ĐÁP LỜI THÁI TÔN HỎI
VỀ Ý NGHĨA ĐẠO THIỀN

Non Già vùng nguyệt tĩnh

Biển thẳm chiếc thuyền không

Hiếu thấu không và có,

Rừng Thiền mặc ruồi rong.

Ngô Tất Tố dịch.

o O o

Ni cô Chiyono tu Thiên đã bao năm rồi mà vẫn chưa đạt được giác ngộ. Vào một đêm trăng kia ni cô xách một thùng nước đầy, lặng nhìn bóng trăng in hình trong đó. Chợt dai tre phụt đứt, thùng bung ra từng mảnh, nước ào thoát hết, bóng trăng phản chiếu cũng mất theo. Ni cô Chiyono chợt giác ngộ lẽ không có có không bèn viết nên bài kệ rằng:

Xách nước qua đây,

Dai tre ải đứt,

Thùng vỡ đáy tung,

Nước ào ra hết.

o O o

Ý thức rằng mình trống rỗng, mình đâu còn trống rỗng nữa! Trống rỗng khi đó đã biến thành một khái niệm ngự trị trong tâm trí mình rồi!

Joshu tiên sinh mãi tới năm sáu mươi tuổi mới học Thiên. Người chúng ngộ vào năm tám mươi tuổi. Người ta kể rằng người còn dạy các môn đệ tiếp tục bốn mươi năm sau đó.

Một lần có môn đệ tới hỏi:

– Sư phụ dạy phải phải rũ cho tâm trí thật sạch rỗng, giờ đây tâm đệ tử đã trống rỗng rồi, xin sư phụ chỉ giáo đệ tử phải làm gì tiếp?

Tiên sinh đáp:

– Hãy quảng hết ra ngoài!

– Thừa sư phụ trong tâm trí đệ tử có còn gì nữa đâu mà sư phụ truyền phải quảng hết ra ngoài?

– Nếu người không quảng được thì khuân nó ra, đẩy nó ra. Chớ đừng đứng trước ta với không có gì trong tâm trí.

o O o

Subhuti, một đệ tử của đức Phật đã đạt được giác ngộ về hư vô, nơi chân như và vô thường hòa hợp thành cái Một bất-khả-phân. Ngồi tham thiền dưới gốc cây trong trạng thái giác ngộ đó Subhuti thấy hoa tự trên cây lá tả rơi xuống quanh mình cùng với tiếng nói vang vọng đâu đây:

– Chúng ta ngợi khen thái độ hùng biện của người và hư vô.

Subhuti đáp thăm:

– Nhưng nào con có nói g về hư vô đâu.

Tiếng nói vang vọng:

– Người không nói về hư vô, chúng ta cũng không nghe thấy nói về hư vô. Đó mới thật là hư vô!

o O o

THỊ TỊCH

Diệu tính hư vô bất khả phân

Hư vô tâm ngộ đắc hà nan

Ngọc phần sơn thượng sắc thường
nhuận

Liên phát lô trung thấp vị can

Ngộ-Ấn Thiền-su

THỊ TỊCH

Hư vô tính ấy khó vịn noi,

Riêng bụng hư vô hiểu được thôi.

Trên núi ngọc thiêu, màu vẫn nhuận,

Trong lò sen nở, sắc thường tươi

Ngô Tất Tố dịch

o O o

Toyo mới mười hai tuổi. Nhưng đã là Thiên sinh tại danh tự Kennin, Toyo cũng muốn như các đạo hữu khác được sự phụ ban cho một công án để ngày đêm suy ngẫm. Vào một buổi chiều kia, đợi đúng lúc thuận tiện nhất chú lời phòng sư phụ khẽ gõ tiếng công báo sự hiện diện của mình, cúi đầu chào sư phụ, rồi khoanh tay yên lặng kính cẩn đợi.

Giây lâu sư phụ từ từ ngẩng đầu, cất giọng:

– Toyo, hãy cho ta nghe tiếng vỗ của hai bàn tay.

Toyo vỗ hai tay.

Thiên sư gật đầu:

– Được lắm, giờ đây người hãy cho ta nghe tiếng vỗ của một bàn tay.

Toyo yên lặng. Sau cùng chú cúi chào

thầy, xin lui về phòng suy nghĩ.

Tối hôm sau chú tới, dùng lòng một bàn tay khẽ gõ lên tiếng cổng. Vị sư phụ nói:

– Không phải vậy.

Tối hôm sau nữa, Toyo tới bắt chước tiếng con dế gãi chân. Vị sư phụ nói:

– Vẫn không phải.

Mười đêm liền Toyo tìm ra mười thứ tiếng khác nhau đều bị phủ nhận. Chú thôi không tới trình diện sư phụ nữa. Suốt một năm ròng chú nghĩ về đủ các thứ tiếng và loại tất cả những thứ tiếng đó. Sau cùng chủ bừng giác ngộ. Chú kính cẩn tới trình diện thầy. Lần này chú không gõ cổng báo hiệu, chú lảng lạng tới ngồi và cúi đầu:

– Thừa sư phụ, đệ tử đã nghe được ba động vô thanh!

o O o

Lấy vô đập chuông. Tiếng kêu tự vô hay tiếng kêu tự chuông?

Tiếng kêu thoát ra ngoài cả vô lẫn chuông!

Thiền sinh Doko tới gặp một Thiền-sư, nói:

– Đệ tử đương đi tìm chân lý. Xin sư phụ chỉ cho đệ tử cách rèn luyện tâm trí như thế nào để đạt được chân lý.

Thiền-sư đáp:

– Làm gì có tâm trí, vì vậy người không thể tính chuyện rèn luyện nó. Làm gì có chân lý, vì vậy người không thể đạt được nó.

– Nếu không có tâm trí để rèn, không có chân lý để noi, thì làm sao quanh sư phụ hàng ngày vẫn có đám thiền sinh quây

quần kia để nghe, và học hỏi, và rèn luyện về Thiền?

– Nhưng ta làm gì có một tấc đất ở đây mà bảo có chỗ cho các thiền sinh tụ tập? Ta làm gì có lưởi mà bảo hàng ngày chỉ dạy cho lũ thiền sinh?

– Trời ơi, sao sư phụ lại có thể nói sai đến như thế được?

– Ta đã không có lưởi để nói thì làm sao ta có thể nói sai với người được?

Tới đây Doko xá lạy Thiền sư và nói:

– Đệ tử không theo nổi sư phụ. Đệ tử không hiểu nổi sư phụ.

Thiền sư đáp:

– Chính ta cũng còn không hiểu nổi ta cơ mà.

Một nụ cười ghi nhận cho ý thức bất hạnh nào ngưng đọng về hư vô:

Yamaoka, thuở còn là một Thiên sinh trẻ tuổi huênh hoang, lần đầu tới thăm Thiên sư Dokuon, Yamaoka nói thao thao:

– Làm gì có tâm trí, làm gì có thân xác, làm gì có thiện, làm gì có ác. Thấy chẳng có, trò cũng không. Chẳng có cái cho đi, cũng chẳng có cái nhận về. Có cái gì trên đời này mà là thật đâu. Cái chính thật là Hư Vô.

Dokuon miệng ngậm ống điếu, bình thản ngồi nghe, không thốt nửa lời. Chợt tiên sinh vớ lấy chiếc gậy và bất thần giáng một cái thật mạnh lên người Yamaoka. Yamaoka giật nảy mình vùng đứng dậy, giận dữ.

Dokuon tiên sinh điềm tĩnh cất lời:

– Nếu quả thực chẳng có gì trên đời này là thực và tất cả là hư vô, thì sự giận dữ của người từ đâu đến? Hãy suy nghĩ về điều đó!

Một dụ ngôn xưa kể chuyện một Thiền sinh khi thấy thầy giơ ngón tay trở lên thì cũng bắt chước giơ theo như vậy. Lâu dần thành thói quen. Một hôm thầy nắm lấy ngón tay trở đó chặt nghiêng, vứt đi. Thiền sinh la hét vang trời. Thầy quát « Im » Rồi giơ ngón trở lên. Thiền sinh bất giác tuân theo thói quen cũng giơ ngón trở của mình lên. Nhưng đến khi nhìn xuống thì...

Thiền sinh bỗng cúi đầu trước sư phụ, giác ngộ. Đến đây thực chẳng còn gì êm đẹp hơn, tròn vẹn hơn, tròn trịa hơn là nhắc tới bốn câu lục bát (thơ của ngài Từ Đạo Hạnh? Phan Kế Bính dịch?)

*Có thì có tự mảy may,
Không thì cả thế gian này cũng không
Thử xem bóng nguyệt dòng sông
Ai hay không có có không là gì.*

HƯ VÔ VÀ THỰC TẠI

Vô vi nhi vô bất vi của đạo Lão chính là thứ hành động vô trụ, vô cầu, hồn nhiên thanh thản của Thiên.

Hư vô đâu có xa thực tại!

Câu chuyện vui sau đây như một gạch nối giữa hư vô với thực tại:

Sekkya tiên sinh nói với một tu sĩ môn đệ:

– Người có thể hứng giữ hư-vô được chăng?

Tu sĩ đáp:

– Dạ để đệ tử xin thử.

Đoạn chụm hai tay lại thành hình chiếc ly để giữ hư-vô của khoảng không.

Sekkyo tiên-sinh:

– Không được tốt lắm, người chẳng hứng giữ được chi trong đó.

Tu sĩ thưa:

– Vậy xin Sư phụ chỉ giáo cho cách nào khác hơn.

Tiên sinh bèn nắm chặt lấy mũi người môn đệ và thẳng cánh giựt mạnh một cái. Tiếng người môn đệ thét lên:

– Ối chao, đau quá sư phụ ôi!

– Đó là cách nắm giữ lấy hư vô đó con ạ.

Thiền Sư Tozan đương cân vải gai thì một môn đệ tới hỏi:

– Thưa sư phụ thể nào là Phật?

Tozan tiên sinh liền đáp:

– Là một kí rưỡi vải gai đây!

Đúng là “Phật pháp bất ly thế gian pháp” của Thiền!

o O o

Trong khi Thiền sư Bankei thủ thủ nói chuyện Thiền với các môn đệ, tiên sinh luôn luôn bị một vị hòa thượng tên là Shinshu ngắt lời; vị này hết lòng tin vào những việc như phù phép niệm chú. Sau cùng Bankei đành ngừng hẳn câu chuyện đương nói với các môn đệ và quay sang với Shinshu.

Vị hòa thượng này hỏi:

– Vị sư tổ của môn phái tôi trước đây có tài ngồi bên này bờ sông cầm bút lông viết được chữ lên tờ giấy căng ở bên kia bờ sông, tiên sinh

có thể làm được việc gì tương tự chẳng?

Thiền sư lắc đầu đáp:

– Không. Tôi chỉ có thể làm được những việc như đói thì ăn, khát thì uống, ai chửi mình thì tha thứ.

o O o

Trong cửa Thiền thường nói:

– Đức Phật thuyết pháp ròng rã bốn mươi chín năm mà lưỡi Ngài không hề động dậy.

Thiền sư Gensha nói:

– Các thầy khả kính đã dạy đạo Phật có vô vàn pháp môn để giúp đỡ hết thảy chúng sinh, nhưng chắc các thầy cũng phải tự hỏi làm cách nào đạo Phật có thể giúp kẻ mù, kẻ điếc hay kẻ câm. Kẻ mù thì không trông thấy chiếc gậy của thầy giơ lên, kẻ điếc thì không nghe thấy lời thầy giảng, kẻ câm thì không hỏi được thầy, không nói được những điều mình hiểu. Như vậy sao có thể nói là đạo Phật giúp được mọi người bằng đủ mọi cách?

Nhiều năm sau một Thiên sinh đem điều nghi vấn trên hỏi lại Thiên sư Ummon. Hỏi xong Thiên sinh xá một cái rồi đứng thẳng chờ. Thiên sư Ummon bất thần dùng đầu gậy chọc thẳng về phía trước khiến Thiên sinh phải lùi vội lại để tránh. Thiên sư gật gù thốt lên:

– Ha ha, hãy biết là người không mù!

Đoạn Thiên sư bảo Thiên sinh tiến lên

mấy bước. Thiên sinh vội vã tuân theo. Thiên sư càng gật gù đắc ý:

– Ha ha, vậy là ta biết người không điếc nữa!

Sau đó Thiên sư hỏi Thiên sinh có biết ông bảo làm vậy là ngụ ý gì không? Thiên sinh cung kính đáp:

– Thừa sư phụ quả thực đệ tử không hiểu.

Thiên sư càng reo lớn:

– Người thấy đấy, người đâu có câm!

o O o

Vào thời Tetsugen sống, kinh Phật chỉ có ở Tàu mà chưa hề được ấn hành tại Nhật. Tetsugen quyết định đi hết tỉnh này đến tỉnh khác quên tiền để chuẩn bị in

kinh Phật bằng mộc bản.

Sau mười năm lặn lội vất vả đi khắp nước Nhật, Tetsugen thấy rằng số tiền quyền tương đối đã đủ. Nhưng việc cho khắc gỗ vừa sắp bắt đầu thì xảy vụ thiên tai nước lụt lớn, mùa màng hỏng sạch, dân chúng bị đói. Tetsugen dùng số tiền ky cóp quyền trong mười năm qua mua gạo phát chẩn cứu dân đói.

Sau đó Tetsugen lại đi quyền lần nữa cho việc dự định ấn hành kinh Phật. Ít lâu sau số tiền quyền cũng tạm đủ như lần trước. Lần này khắp nước Nhật bị dịch thời khí. Hàng ngàn gia đình không thể sống qua ngày được nếu không được cứu trợ. Tetangen lại đổ số tiền quyền được ra giúp đỡ đồng bào bị dịch thời khí.

Khi tai qua nạn khỏi xong xuôi, Tetsugen khỏi sự công cuộc lặn lội đi quyền lần thứ ba. Lần này ước nguyện của Tetsugen

mới được thành tựu, và Tefsugen nhắm mắt lìa đời hài lòng.

Những người hiểu biết đều bảo nhau rằng kinh Phật của Tetsugen như vậy là được ấn hành ba lần lận, những bản ấn hành hai lần trước tuy chẳng ai được đọc nhưng giá trị xem ra lại vượt xa lần ấn hành sau cùng.



Thiền sinh Doken được cử đi thăm một thiền viện khác ở nơi khá xa. Doken băn khoăn lắm, vì đi như vậy thì tất nhiên việc học sẽ bị ngừng trệ trong nhiều tháng, bèn nói với Sogen, một thiền sinh đàn anh khác:

– Rất mong đạo huynh xin phép sư phụ để được cùng đi với đệ chuyến này. Có biết bao nhiêu điều mà đệ chưa am tường, nếu

có hiền huynh bên cạnh để cùng nhau bàn bạc, chắc là đệ sẽ học hỏi được nhiều.

Sogen đáp:

– Được lắm. Nhưng xin hỏi đạo hữu câu này: nếu đạo hữu đói mà ta ăn cơm họ, liệu đạo hữu có bớt đói chăng? Nếu chân đạo hữu bị què, đạo hữu hưởng được niềm an ủi gì khi nhìn ta tiếp tục thoăn thoắt trên đường? Nếu bong đáí của đạo hữu đầy ắp, đạo hữu có cảm thấy nhẹ người chăng, khi nhìn ta tiểu tiện?



Ý THIỀN

ột thiền sinh càng suy nghĩ về Thiền càng thấy bối rối, đành phải tới thỉnh giáo sư phụ:

– Thưa thầy, người đã dạy chân lý không thể diễn đạt bằng lời, cũng không thể diễn đạt bằng cách ngồi im chẳng nói. Thưa thầy, làm sao mà có thể thể được?

Vị sư phụ đáp:

– Thuở ta còn là một gã trai trẻ sống tại miền Nam Trung Quốc, chao ôi, chim hót sao mà vui trong hoa là một ngày nắng gió đầu xuân.

o O o

Thiền là niềm vui chân thành sáng khoái cực kỳ hồn nhiên, niềm vui thấp sáng trái tim, thổi bùng bình minh trong hồn. Niềm vui cực lạc chính là vậy. Sao mà đơn giản! Như mây trời nở rộng bay trên vòm cao bao la!

Như thái độ phóng khoáng của Không Lộ thiền sư lên đỉnh núi chüm môi huyết sáo, núi cao, cảnh vắng, tiếng sáo như làm lạnh cả bầu trời:

Trạch dắc long xà địa khả cư,

Dã tình chung nhật lạc Vô dư,

Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh,

Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Ngô Tất Tố phiên dịch:

*Lựa nơi rỗng rảnh đất ưa người,
Cả buổi tình quê những mảng vui
Có lúc thẳng lên đầu núi thẳm,
Một hơi sáo miệng lạnh bầu trời.*

o O o

Còn niềm vui nào đơn giản hơn niềm vui thiên thần không màng đặc thất!

Thiền sinh Shichiri đang tụng Đại-tạng-kinh thì một tên ăn trộm lén vào, chỉ con dao nhọn sau lưng và hỏi tiền đâu. Shichiri đáp:

– Tiền để trong hộp phía trước kia kìa.

Đoạn tiếp tục đọc kinh.

Tên trộm sắp sửa ra đi Shichiri nói:

– Để lại cho ta ít tiền, ta còn phải trả thuế, sớm mai người ta đã lại thu rồi.

Tên trộm (cũng rất... Thiên) để lại ít tiền rồi sửa soạn bước ra khỏi cửa. Shichiri hỏi:

– Người không biết nói cảm ơn khi được ai tặng chút gì ư?

Tên kẻ trộm bèn cảm ơn rồi đi.

Mấy ngày sau tên trộm bị bắt. Trong lời thú tội y có thú cả việc đến lấy tiền của Shichiri. Nhưng Shichiri khai với quan trên:

– Tôi có tặng hắn ít tiền và hắn cảm ơn lại tôi. Sự thực chỉ có vậy!

Tên trộm vẫn đi tù về những tội ăn trộm khác. Mãn tù hắn tìm đến Shichiri nói:

– Xin ngài hãy nhận tôi làm môn đệ của ngài.

o O o

Vì bình thản với lẽ đắc thất nên lòng
thênh thang bao trùm. Vì thênh thang bao
trùm nên diễn biến nào cũng khát khao
như một vở kịch mà mình vừa là nhà đạo
diễn lại vừa là diễn viên.

Ấy Thiên đơn giản như vậy. Nếu mình
hồn nhiên đơn giản như vậy!

o O o

Truyện “Hòa thuận với mọi người”
trong Cổ Học Tinh Hoa:

Lưu-Ngưng-Chi đang đi giày có người
đến nhận, ông đưa ngay. Sau người ấy tìm
thấy giày đem giày ông lại trả. Ông nhất
định không nhận nữa,

Thẩm Lâm Sĩ đang đi giày. Cũng có người đến nhận. Ông cười hỏi: “Giày của bác đây à?” Rồi ông đưa ngay. Sau người lúng giềng tìm thấy giày, đem giày ông lại trả. Ông nói: “Không phải giày của bác hả?” Ông cười rồi nhận.

Hòa khí của Thẩm Lâm Sĩ mới Thiên làm sao.

o O o

Thiền sư Joshu hỏi một vị sư vừa tới tiền sảnh:

– Tôi đã gặp ngài lần nào chưa nhỉ?

Vị sư đáp:

– Dạ thưa chưa.

Joshu cười nói:

– Vậy xin mời ngài uống với tôi một chén trà!

Rồi tiên sinh quay sang một vị sư khác hỏi:

– Tôi đã gặp ngài lần nào chưa nhỉ?

Vị sư thứ hai này vui vẻ đáp:

– Dạ, thưa tiên sinh có chứ ạ.

Joshu cười nói:

– Vậy xin mời ngài uống với tôi một chén trà!

Sau đó vị hòa thượng chủ trì thiền viện lên tiếng hỏi:

– Thưa tiên sinh sao câu trả lời của hai người thật khác nhau, mà cả hai lại cùng được tiên sinh mời uống trà như nhau?

Vừa nghe dứt câu hỏi, Joshu la lớn:

– Ủa, Hòa thượng còn đấy sao?

– Thưa ngài dĩ nhiên tôi còn đây.

– Vậy xin mời Hòa thượng uống với tôi
một chén trà!

o O o

Ý Thiên thanh thanh trong suốt như
vậy. Vô tư như bóng chim trời lướt in trong
dòng sông, chim đâu có ý để lại bóng mình,
nước đâu có tìm giữ lại bóng chim:

Nhận quá trường giang

Ảnh trầm hàn thủy

Nhận vô di tích chi ý

Ảnh vô lưu thủy chi tâm

o O o

Chúng ta cũng có thể nhìn sang một
khía cạnh khác của ý thiên: NHẬP DIỆU.

Một tay đô vật cự phách tên O-nami, có nghĩa là Sóng Lớn, phải cái tật chỉ giỏi khi biểu diễn ở trong nhà. Có thể nói, ở trong nhà O-nami vật ngã cả thầy dạy là thường, nhưng hễ cứ ra trước công chúng là y như chàng lúng túng đến nỗi thua cả đứa học trò hạng bét của mình.

O-nami nghe có vị Thiền sư vừa từ xa tới trú tại một ngôi chùa bên bờ biển, bèn đến trình bày sự tình và xin Thiền sư ban cho lời khuyên phải làm gì bây giờ. Thiền sư đáp:

– O-nami, tên người mang có nghĩa là Sóng Lớn. Vậy người hãy ngồi ở chùa này suốt đêm nay lắng nghe tiếng sóng biển. Hãy quên người là một nhà đô vật, và hãy tưởng tượng chính người là những đợt sóng biển hùng vĩ kia quét ngã bất kỳ cái gì cản đường chúng.

Nói đoạn. Thiền sư ra đi.

O-nami ngồi lại, thoát cố gắng chỉ nghe và nghĩ về sóng, nhưng vẫn còn nghĩ lẫn sang nhiều thứ khác. Dần dần O-nami tập trung được tư tưởng vào riêng sóng mà thôi. Đêm tàn dần, những đợt sóng cũng lần lần lớn lên. Sóng ào ạt quét những bông hoa trên bàn thờ Phật, quét cả lọ hoa, rồi cả tượng Phật bằng đồng cũng như bị những đợt sóng lớn nuốt chửng đi đâu mất. Trời rạng đông, O-nami có cảm tưởng cả ngôi chùa bị tràn ngập bởi sóng biển trắng xóa chập chùng. Và O-nami còn ngồi đó, nụ cười phảng phất trên khuôn mặt trầm lặng.

Ngày hôm đó tại đấu trường O-nami không bị thua một keo nào. Không những thế, kể từ đấy, khắp nước Nhật cũng không còn ai có thể đương đầu nổi với O-nami nữa.

Chàng Matajura muốn trở thành một tay kiếm thần xuất quỷ nhập, nhưng cha chàng chê là phản ứng còn chậm lắm, khó có thể học kiếm cho thành tài được.

Matajura đành đến nhà võ sư Banzo chuyên dạy về kiếm xin làm đồ đệ. Chàng hỏi:

– Thưa võ sư, nếu tôi ở liền bên ngài, hầu hạ ngài từng giờ từng phút, thì trong khoảng bao lâu ngài có thể truyền thụ cho tôi thành tài kiếm pháp.

Banzo đáp:

– Mười năm!

– Thưa võ sư, cha tôi già mất rồi, tôi muốn được học thành tài sớm hơn để còn trở về săn sóc người. Vậy nếu tôi hầu hạ võ sư cần mẫn gấp đôi thì trong bao lâu tôi thành tài?

– Ba mươi năm! Banzo đáp.

– Sao có thể thế được, thưa võ sư – chàng Matajura vô cùng ngạc nhiên hỏi lại – tôi nguyện làm việc gấp đôi, mà thời gian đạt kết quả lại dài thêm gấp ba? Bây giờ xin võ sư cho tôi được thưa rõ một lần nữa: Tôi sẽ làm việc không ngơi, làm bất kỳ việc gì, dù nặng nhọc đến mấy, như vậy xin võ sư cho biết chừng bao lâu tôi học thành tài?

– Bảy mươi năm! Banzo đáp – Những kẻ hối hả như vậy bao giờ học cũng chậm, rất chậm.

Bảy giờ thì Matajura đã hiểu ý võ sư. Không hỏi han gì về thời gian học tập nữa, chàng quyết định xin được ở lại hầu hạ võ sư. Chàng lau chùi, quét dọn nhà cửa, làm bếp, giặt giũ, làm vườn... Chàng được lệnh không bao giờ được nói tới kiếm, hỏi về kiếm, mó vào kiếm. Thật buồn, nhưng đành vậy, đã trót hứa với thầy chàng không

muốn lỗi lời hứa. Ba năm trôi qua như thế.

Một ngày kia, chàng đương làm vườn thì võ sư nhẹ bước lên tới đằng sau lúc nào không hay và bất thành lình quất trúng chàng một cái bằng thanh kiếm gỗ, mạnh như trời giáng. Hôm sau chàng lại bị một võ nữa như vậy khi đương làm bếp. Từ đấy bất kỳ vào giờ nào, bất kỳ ở xó xỉnh nào chàng cũng có thể bị thanh kiếm gỗ của thầy bất thần tấn công. Và cũng kể từ đấy chàng phải giữ tinh thần thức tỉnh. Cơ hồ chàng không còn ao ước gì, suy nghĩ gì ngoài tư thể thức tỉnh để lẹ làng tránh né thanh kiếm gỗ của thầy.

Võ sư Banzo mỉm cười hài lòng, bắt đầu dạy chàng kiếm thuật. Chẳng bao lâu Matajura lừng danh là một tay kiếm số một của Nhật Bản.

Kosen tiên sinh chuẩn bị viết mấy chữ đại tự để sẽ cho khắc trước cổng lớn ngôi đền Oaku tại Kyoto. Tiên sinh phải viết những chữ đó lên giấy rồi tự giấy khắc vào gỗ. Một đệ tử ngồi hầu, hòa mực và theo dõi nghệ thuật bút thiếp của thầy. Lần đầu khi tiên sinh vừa viết dứt, người đệ tử nói:

– Thưa thầy, chưa được.

Tiên sinh sử dụng bút đại tự lần nữa, người đệ tử nói:

– Thưa thầy, lần này còn tệ hơn lần trước.

Tiên sinh viết lại lần nữa. Cứ như vậy tới lần thứ sáu mươi tư, thì thực là bút cùn mực cạn. Thấy mực gần hết, người đệ tử vào nhà kiếm thêm. Còn lại một mình, không bị bận tâm bởi cái nhìn soi mói của kẻ ngồi bên, tiên sinh chấm bút vào ng-

hiên, dùng chút mực ít ỏi còn lại phóng bút một lần cuối cùng. Vừa lúc người đệ tử trở lại, ngắm hàng chữ còn tươi nét mực và reo lên:

– Thưa thầy, thật là tuyệt bút!

o O o

Có khác chi truyện con rết đương nhịp nhàng bò lanh lẹ qua đây qua đó, bỗng gặp con cóc tinh nghịch hỏi đùa:

– Này chị Rết, chị bò lẹ như vậy thì chân nào trước, chân nào sau nhỉ?

Thế là nàng Rết ta bị phân tâm quẩn trí trở thành vụng dại, năm bò kênh bò càng dưới rãnh, cố nghiên cứu, phân tách, tìm hiểu xem chân nào chuyển động trước, chân nào chuyển động sau, Tội nghiệp!

o O o

CỒI NGUỒN CŨNG BỞI LÒNG NGƯỜI MÀ RA

Chiều ba mươi Tết. Tôi xuống bếp giúp vợ tôi cắt tiết gà. Nàng cắt tiết, tôi chỉ phải giữ chân và cánh cho chắc, nhất là vào lúc gà rẫy chết. Ăn thịt gà thì cả nhà ai cũng thích ăn, nhưng cắt tiết thì ai cũng ngại. Cách đây không lâu vào ngày giỗ nhạc mẫu, chúng tôi làm thịt hai con vịt. Đó là hai con vịt bầu nuôi từ lúc chúng còn nhỏ. Một ông bạn già đã cho thằng con trai đầu lòng của tôi. Thằng bé chăm nom hai con vịt suốt mùa mưa. Hễ mưa lớn

nước chưa kịp thoát, dềnh lên, là nó mang đôi vịt ra thả cho bơi lội để chúng khỏi nhớ nước, nó bảo vậy. Nó thích mua tôm, tép mang về thả vào chậu nước và sung sướng ngắm hai con vịt rúc mỏ tìm ăn. Hai con vịt chóng lớn trông thấy. Hễ mùa mưa, mỗi ngày thằng bé múc một chậu nước đầy tắm cho vịt như tắm cho bạn. Một lần quên cho chúng ăn, hai con vịt không hiểu làm sao xổng được chuồng, xục vào tận trong bếp xin ăn. Ngày giỗ nhạc mẫu, tôi trói chân hai con vịt mang vào bếp. Thằng con trai tôi chọt vào, nó nhìn hai con vịt thốt một tiếng « tội » rồi bỏ đi. Bên ngoài, trời bỗng đổ mưa, một cơn mưa cuối mùa. Mẹ nó không đang tâm cắt tiết vịt, đành khoác áo mưa đem ra chợ gần đấy nhờ một bà chuyên làm thịt gà vịt cắt tiết làm lông hộ.

Nhưng chiều nay, ba mươi Tết, không thể nhờ ai được. Hai vợ chồng tôi đành phải làm lấy công việc « cực nhọc » này vậy.

Sau khi vặt một khoảng lông cổ lấy chỗ cắt tiết, vợ tôi như thường lệ suýt xoa nói như khấn:

– Thôi thì sống cắt tai, mái cắt cổ, tao hóa kiếp cho mày.

Rồi cắt tiết. Tiết ra ít tuy vẫn chảy đều. Nàng cắt không đúng tia. Khi tiết ngừng chảy, tôi không thấy gã rẫy chết như mọi khi. Vợ tôi nói như để dối lòng:

– Con gà lần này cứ vậy xiu đi, không phải rẫy chết nữa.

Thật ra nó đâu đã chết. Mắt nó mở trừng trừng. Tim nhói buốt, tôi khóa chéo hai cánh gà lại để che đôi mắt đỏ. Tôi như Cain chạy trốn đôi mắt của Abel. Nhưng khóa cánh gà như kia vô tình tôi càng bước sâu thêm vào tội ác. Mà cũng như con người khi thấy mình đã trót trôi theo triền dốc tàn ác thì càng muốn lao lẹ cho chóng tới

đáy vực, vì nghĩ xuống đáy vực tàn ác thì khỏi phải tàn ác thêm nữa. Tôi bèn ra bếp lấy ấm nước sôi. Tôi muốn sớm giải thoát cho gà và cho chính mình.

Nó rãy lên mấy cái. Tội nghiệp nó nhận đủ các cực hình: cắt tiết, khóa cánh và nước sôi bỏng. Tâm trí tôi lúc đó là cả một địa ngục thực sự, cụ thể. Tôi nhớ đến câu Kiều:

Cổ nguồn cũng bởi lòng người mà ra!

Và nhớ luôn đến cả câu truyện Thiên sau đây:

Một chàng Ngự Lâm Quân kiêu dũng nọ tới gặp một vị Thiên sư, hỏi:

– Thưa Thiên sư, xin người cho hay có thực là có thiên đường và địa ngục hay không?

Vị Thiên sư hỏi lại:

– Người là ai vậy?

– Thừa tôi là Ngự Lâm Quân của đấng vua chí tôn.

– Vô lý! Nhà vua nào mà nhận người làm ngự lâm quân. Ta trông người thực chẳng khác một tên ăn mày!

Nghe tới đó chàng ngự lâm quân vỗ vỗ lên thanh gươm lớn đeo bên mình, đôi mắt long sòng sọc.

Vị Thiên sứ cười ngất:

– Ha Ha, người lại đeo gươm đeo gheo nữa cơ à? Thanh gươm của nhựt đó cắt đứt nổi cổ ai?

Tới đây chàng ngự lâm quân không dằn lòng được nữa, chàng rút phắt thanh gươm ra, vung lên.

Vị Thiên sứ gật gù tiếp:

– Giờ thì người đã hiểu được phân

nửa câu giải đáp: Người đương mở cửa địa ngục!

Người ngự lâm quân rút vội tay về, tra gương vào vỏ và kính cần cúi đầu. Thiền sư tiếp:

– Giờ thì người hiểu nốt phân nửa kia của câu giải đáp: Người đã mở cửa thiên đàng!

o O o

Hai nhà sư Tanzan và Ekido hôm đó đi xuống phố, đường mưa trơn lầy lội. Cả hai gặp một thiếu nữ xinh đẹp ăn mặc lụa là đương ngại ngần không biết làm sao qua đường.

– Lại đây cô, tôi sẽ giúp cô qua đường.

Tanzan nói vậy rồi bế cô trên hai tay và mang sang đặt bên kia đường.

Rồi cả hai tiếp tục đi, không nói năng gì với nhau nửa lời, suốt ngày. Chiều tối, khi cả hai đã cùng trở lại thiền viện, tới lúc đó Ekido không thể nhịn được nữa, mới thốt lên:

– Đã xuất gia tu hành sao lại gần đàn bà, nhất là lại bế cô gái đẹp như thế. Tại sao đạo hữu có thể làm như vậy cơ chứ!

– Quý đạo hữu ơi – Tanzan ôn tồn đáp – tôi đã đặt cô gái đó xuống, ngay sau khi giúp cô ta qua con đường lầy lội, có ai ngờ đạo hữu vẫn còn công cô ta theo về tận thiền viện này.

o O o

Bồ Đề Đạt Ma ngồi tham thiền quay mặt vào tường ròng rã chín năm liền. Một lần một nho sĩ Khổng giáo tới xin lời chỉ giáo. Nhưng đức Bồ Đề Đạt Ma vẫn ngồi nguyên không nhúc nhích trong bảy ngày

bảy đêm liền mặc cho nho sĩ hết lời cầu khẩn van nài. Sau cùng nho sĩ dùng một thanh gương lớn tự chặt đứt một cánh tay, cầm cánh tay đó đặt trước mặt đức Bồ Đề Đạt Ma mà rằng:

– Xin sư phụ chứng kiến lòng thành thực của đệ tử. Đã từ bao nhiêu năm nay đệ tử đi tìm sự bình an của linh hồn mà không thấy, đệ tử biết chỉ có sư phụ là có thể chỉ giáo cho đệ tử hay điều đó, xin sư phụ đừng tiếc lời.

Tới đó đức Bồ Đề Đạt Ma mới nói:

– Đừng mang cánh tay người đến, hãy mang linh hồn người đến trước ta, ngõ hầu ta mới chỉ được cho người hay cách đem lại bình an như người yêu cầu.

– Thưa sư phụ điều đó thực nan giải. Đệ tử làm sao nắm được linh hồn mà bảo mang đặt nó trước sư phụ cho được?

– Ấy vậy là ta đã đem lại bình an linh hồn cho người rồi đó!

o O o

Một Thiền sinh tới xin Thiền sư Ban-kei giúp anh ta trừ căn bệnh nóng nảy bạo ngược của anh ta.

– Người hãy mang chứng nóng nảy bạo ngược của người tới đây ta xem nó ra sao nào.

– Thừa thầy con không có nó ngay lúc này, nên không thể trình thầy xem được.

– Vậy khi nào người có nó thì lôi cổ nó lại cho ta xem.

– Thừa thầy việc đó thực khó. Khi con có nó mà định mang lại để thầy xem, thì e rằng nửa đường nó đã biến mất.

– Như vậy thì theo thiền ý của ta căn bệnh nóng nảy bạo ngược đó đâu phải là

một thành phần cố hữu trong bản tính người. Đã không phải là thành phần cố hữu trong bản tính thì tất nó tự ngoài vào . Đã tự ngoài vào thì ta đề nghị lúc đó người chỉ việc tự đánh mình cho đến khi căn bệnh nóng nảy bạo ngược không chịu nổi phải co giò chạy trốn đi nơi khác, thể là khỏi bệnh!

o O o

Người Riko một lần tìm đến Thiên sư Namsen xin tiên sinh giải thích dùm cho vấn đề con ngỗng nuôi trong chai. Nếu đem nhốt con ngỗng nhỏ vào chai rồi ngày ngày thả thức ăn qua cổ chai nuôi ngỗng. Chẳng bao lâu ngỗng nhỏ thành ngỗng lớn. Bấy giờ phải làm sao để lấy được ngỗng ra mà không phải đập vỡ chai, cũng không phải giết chết ngỗng?

Nansen tiên sinh vỗ mạnh hai bàn tay hào hứng:

– Riko!

Đôi mắt Riko sáng lên:

– Dạ thưa tiên sinh dạy?

– Người thấy không kia, con ngỗng đã ra rồi!

o O o

Con ngỗng đã ra rồi! Tự do, giải thoát thể hiện ngay trong tâm trí mình đó! Dù nói hay nghĩ loanh quanh thế nào vẫn là:

Cối nguồn cũng bởi lòng người mà ra.

THIỀN ĐI LÃNG ĐĂNG

Hồi Thiền sư Ikkyu còn là một thiền sinh nhỏ tuổi, một hôm đánh vỡ chiếc chén cổ là đồ gia bảo của thầy, trong lòng lo sợ lắm. Vừa lúc đó nghe có tiếng bước chân thầy đi tới, Ikkyu vội giấu những mảnh vỡ sau vạt áo.

– Thừa thầy — Ikkyu cung kính hỏi –
tại sao vụn vỡ lại có lúc phải hủy diệt?

– Hữu hình tất hữu hoại – Thầy đáp –
đó là lẽ đương nhiên trong tạo vật. Người
nào, vật nào bất luận cái gì có tụ tất có ngày
tán, có sinh tất có ngày diệt!

Lúc đó Ikkyu mới chia mấy mảnh chén vỡ ra mà rằng:

– Thừa thầy hôm nay chiếc chén của thầy cũng vừa tới số bị hủy diệt mất rồi!

o O o

Một người mù tới thăm bạn nói chuyện mãi đến khuya mới về. Trước khi về người mù bảo bạn:

– Anh làm ơn cho tôi mượn cây đèn lồng.

– Anh mang đèn lồng làm gì! Đâu có vì vậy mà anh thấy rõ hơn?

– Đành vậy nhưng để cho người khác thấy mà tránh.

– Nếu vậy thì đây anh cầm lấy đèn lồng!

Người mù ra về tay cầm đèn lồng có

gắn nết cần thận, lòng thơ thới hân hoan. Nhưng mới được vài bước đã « Pâm! » Có người đâm xam phải anh ta.

– Đồ khỉ, không trông thấy đèn lồng của người ta sao?

– Con tiểu, sao không thấp nển lên?

o O o

Thiền sinh Tokusan chiều chiều thường vẫn đến nhà thầy, Thiền sư Ryulan, để vừa đàm đạo vừa nghe thầy giảng dạy. Đêm đó đã khuya lắm rồi mà Tokusan vẫn còn nhiều điều muốn hỏi thầy, Ryutan tiên sinh mới bảo:

– Sao người không về ngủ đi?

Tokusan cúi chào thầy, vén màn cửa đi ra nhưng rồi quay lại:

– Thừa thầy bên ngoài tối đen như mực.

– Thì người cầm cây nến này!

Nói đoạn Ryutan tiên sinh châm ngọn nến trao cho; nhưng Tokusan vừa giơ tay đỡ lấy thì tiên sinh cũng hơi cúi đầu về phía trước và thổi phụt tắt ngọn nến.

o O o

Một người lái buôn giàu có đến xin vị Thiền sư nọ cho một vế câu đối hay một bài văn miêu tả cảnh hạnh phúc ước mong của cả gia đình mình.

Vị thiền sư hạ bút viết ngay:

Tổ phụ chết.

Cha chết.

Con chết.

Người lái buôn giật nảy mình hỏi lại:

– Thừa Thiên sư, chẳng hay con có làm điều gì phật ý người không, mà sao người lại nguyên rửa gia đình con đau đớn như vậy?

– Ta đâu có nguyên rửa! Những lời ta viết đích thị là lời cầu chúc mà nhất sinh ai cũng ước mong như vậy. Này nhé, ta cầu chúc người nào trong gia đình người cũng sống đến thanh tổ phụ. Ta lại cầu chúc không có người con nào chết trước cha. Hỏi còn chân hạnh phúc nào hơn cảnh thọ như vậy mà lại chết có trật tự như vậy?

o O o

Mamyia một con người tâm thường trần tục nhưng vẫn tự cho rằng mình có thể theo học Thiên được. Y tới yết kiến một vị Thiên sư, Thiên sư bảo hãy tập trung tư

tưởng mà tìm lời giải đáp cho câu hỏi này:

– Thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?

Mamyia ra về, rồi một tuần sau trở lại
lắc đầu thưa là không sao tìm được câu trả
lời. Thiên sư nói lớn:

– Hãy bước ra khỏi đây. Người đâu có
chịu tốn công suy tư. Người còn mãi nghĩ
về tiền bạc, về những lạc thú trần tục. Có
thể may ra người chết, lúc đó người mới
thấy được lời giải đáp.

Tuần sau Mamyia lại tới. Khi vị Thiên
sư hỏi:

– Thế nào, đã tìm thấy câu giải đáp
chưa?

Thì y bặm môi nắm chặt lấy ngực, rên
lên rồi ngã xuống, chết.

– Được lắm, người đã theo lời ta khuyên
mà chết, nhưng còn tiếng vỗ một bàn tay

thì sao?

Mamyia hé mở một mắt và đáp:

– Thừa vẫn chưa tìm được lời giải đáp.

Vị Thiền sư quát lớn:

– Kẻ chết không nói! Hãy đứng dậy cuốn xéo khỏi nơi đây.

o O o

Thiền sư Nam-in hôm đó có một ông khách tới hỏi về Thiền. Nhưng đáng lẽ đến để nghe thì vị khách cứ nói hoài những ý kiến riêng của mình.

Lát sau Nan-in mời trà. Thiền sư rót trà vào chén của ông khách đầy rồi mà vẫn tiếp tục rót hoài.

Sau cùng ông khách không giữ kiên nhẫn được nữa, nói lớn:

– Kìa đạo huynh không thấy chén đã đầy tràn rồi sao? Còn có thể chứa đựng thêm được gì nữa đâu!

Thiền sư ngừng rót trà:

– Đúng vậy thưa hiền hữu, và hiền hữu cũng giống như chiếc chén đó, đầy ắp tư kiến. Tôi còn biết hiền dâng gì về Thiền, nếu hiền hữu không cho tôi một chiếc chén rỗng.

o O o

Tại Kyoto có hai Thiền tự một ở bên Nam, một ở bên Bắc. Mỗi bên đều có một Thiền sinh trẻ tuổi ngày ngày phụ trách các việc vặt như đi chợ, thổi cơm, nấu nước. Thiền sinh bên Bắc Thiền tự hàng ngày cứ vào giờ đó thì đi chợ mua rau, một lần chợt gặp Thiền sinh bên Nam Thiền Tự ngang

đường. Thiên sinh bên Nam lạ miệng hỏi trước:

– Đạo hữu đi đâu vậy?

Thiên sinh Bắc đáp:

– Đôi chân này đưa đến đâu tôi đi đến đấy.

Thiên sinh Nam không biết nói sao, về thuật lại chuyện với thầy. Thầy không muốn trò mình phải lép về đành mách nước:

– Nếu mai gặp, hỏi lại câu cũ, chắc con cũng được nghe đáp lại như vậy, lúc đó con hỏi thêm: Giả sử đạo hữu không có chân, đạo hữu sẽ đi tới đâu?

Quả nhiên hôm sau hai Thiên sinh lại gặp nhau:

– Đạo hữu đi đâu vậy?

– Gió cuốn tới đâu tôi đi tới đấy.

Thiền sinh Nam thêm một lần chứng hững, trở về vấn kế thầy. Thầy trách:

– Sao con không hỏi lại là: hãy giả sử như không có gió?

Tối hôm sau nữa hai Thiền sinh gặp nhau. Thiền sinh Nam hỏi:

– Đạo hữu đi đâu vậy?

Lần này Thiền sinh Bắc trả lời đơn giản:

– Thừa đạo hữu, tôi đi mua rau!

o O o

Thì vẫn vậy, đã nói mỗi ý Thiền như một que diêm, chỉ bật lên chiếu sáng một lần. Phải thức tỉnh, phá chấp, tránh lối mòn. Đó, Thiền!

(Còn nữa)

TẠM THAY LỜI BẠT

Trời lạnh lạnh sốt ba ngày liền dưới 25 độ. Ở Sài Gòn như vậy thật là hiếm có, nhất là đây chỉ mới cuối tháng mười một. Bạn tôi bảo là có bão ngoài Nha Trang. Chắc vậy. Tôi không đọc báo. Đã lâu tôi không đọc báo. Cả ngày mây trời vẫn vù, rất ít khi có nắng, dù có cũng là những tia nắng đục. Gió hiu hắt, y như gió heo may vào những ngày đầu thu miền Bắc. Gió thu như thổi về tấm màn liệm để phủ lên vạn vật đương tiêu trầm. Là tôi nhớ lại mùa thu miền Bắc.

Hình như cũng có cái gì đương tiêu trăm hấp hối trong tôi khi tôi về tới trước cửa nhà khoảng cuối hẻm, và nhìn thấy thằng bé đó. Thằng bé nào vậy? Thưa đó là một thằng nhỏ lai Mỹ.

Thằng bé xinh lắm. Lần đầu gặp nó, tôi có chú ý đến nước da trắng trẻo và mớ tóc tơ hơi vàng vàng của nó. Ý nghĩ thoáng qua, tôi đoán nó là một em bé lai, nhưng tôi chẳng hay dừng lâu ở những ý nghĩ tương tự, nên rồi lần sau khi gặp nó lữ cữn chơi với lũ trẻ cùng xóm, tôi cũng chỉ coi nó như trăm ngàn đứa trẻ Việt khác suốt ngày lố nhố ở những xóm cần lao tương tự. Cho đến một ngày, cách đây một tháng, tôi hay tin thằng bé bị bỏng. Nó ngã sấp vào chảo dầu đang chiên bánh. Và cũng tới ngày đó tôi mới biết đích nó là một em bé lai Mỹ. Người mẹ ngày ngày đi làm, nhờ bà chủ nhà trông con, chiều về thì con đã bị nạn như vậy. Nghe nói người mẹ khóc

nhieu lắm. Sau mấy ngày nằm liệt giường, khi nhóc nhách được thẳng bé bèn ra đứng trước cửa, một nửa mặt bông băng trắng xóa. Tôi có ý định mách người mẹ nên tìm thử pommade có sinh tố nuôi da cho nó để tránh da mặt thành sẹo sần sùi sau này, nhưng nghe nói người mẹ đã và vẫn đưa con đi bác sĩ đều nên thôi và yên tâm. Tội nghiệp thẳng bé thật xinh. Tôi ôn lại khuôn mặt thẳng bé mấy hôn trước đây lúc nó chưa bị nạn, khuôn mặt nhìn đâu cũng thấy thơ ngây, từ vẻ bầu bĩnh, đến đôi mắt luôn luôn mở lớn, thẳng thắn và ngỗ ngàng nhìn hết người này sang người nọ, cùng cái miệng hon hón khi chú ý nghe người khác nói. Chắc hẳn nó phải giống bố nó lắm, vì khuôn mặt phẳng phất một nếp sống ổn định trong một xã hội ổn định, xa lạ với mọi nghịch lý phũ phàng hiện đầy rẫy trong xã hội nhà.

(Tôi bây giờ quen sống ôn những hình ảnh đã qua như vậy, mặc cho hiện tại hờ hững trôi qua, chỉ khi cần thiết mới thu thập ký ức).

Nhìn nửa mặt thẳng bé bông băng trắng xóa, tôi cầu mong thương tích của nó mau lành, và tôi cho nó không được sống bên quê cha nó, nơi mà vấn đề an toàn cho mạng sống được ý thức đến mức chu đáo tối đa. Nơi này, quê hương mẹ nó, mọi sinh vật, thực vật đương bị chiến tranh dày xéo, nên nếp sống hậu phương, dù là hậu phương Sài Gòn, cũng là nếp sống hối hả, cầu thả, còn làm gì có thì giờ để nghĩ đến an toàn.

Sáng sớm, trời lạnh dưới 25 độ, đứa con trai đầu lòng của tôi đi học. Nó dắt xe đạp ra cửa, chân bước hơi ngượng ngập tập tễnh: đôi giày Bata chật vẫn làm tức bàn chân nó như vậy. Nó ghéch đít lên yên

xe; thoát chiếc xe hơi lão đảo, tới khi có đà mới tạm vững, nhưng dáng nó ngồi đạp vẫn xiêu vẹo; đây là chiếc xe đạp của chị nó thải, nên hơi lớn với nó.

Mày đi học như vậy rồi đây sẽ thu thập được gì, con? Tôi hỏi thăm như vậy. Cái học sẽ giúp con có liêm sỉ? Đâu có! Quanh ta thiếu gì kẻ có bằng cấp vào hàng tột đỉnh của nhân loại, hoặc gần tột đỉnh mà vẫn cực kỳ vô liêm sỉ. Sự học ở hoàn cảnh nước nhà giờ đây không hề bảo đảm là tấm khăn lau sáng lương tâm.

Buổi chiều, trời trở lại lạnh như sáng sớm, dưới hai mươi lăm độ. Gió chiều âm u hơn nhiều. Tôi gặp thằng bé lại Mỹ. Nó đã gỡ bỏ bông băng ở mắt, sau nửa tháng chạy chữa. Lòng tôi thất lại khi nhìn thấy những chấm đỏ sẽ vĩnh viễn còn lại trên khoảng mắt bị bóng của nó. Nó nghiêng mắt nhìn tôi, và tôi nhận ra thêm một điều:

nó không còn đủ đôi mắt mở lớn như xưa nữa, con mắt bị bóng nay bé hẳn lại, vành mắt đỏ hỏn, bệnh hoạn, và cứ trông cách nó nhìn thì nó bị hiếng mắt rồi. Nó vẫn lữn cữn chơi với những đứa trẻ thuần Việt khác, nhưng lần này vẻ nó khác xưa nhiều, nhiều lắm. Vì trời lạnh nên mẹ mặc cho nó thêm chiếc áo len ngắn bên ngoài. Cả áo lẫn quần cùng xộc xệch. Kìa, nó vừa ngấp ngừng chạy sang lề đường vừa hiếng mắt nhìn chiếc xe Honda tiến tới. Nó dừng lại bên lề đường kia, mà như dừng lại trong một thời gian vĩnh cửu không một tiếng vang vọng. Bây giờ thì tôi thấy hình ảnh tang thương của nó có đượm thêm cả phần nhẩn nhục, hoàn toàn hòa hợp với bối cảnh, với người và vật của đất nước khốn khổ này, quê hương khốn khổ của mẹ nó. Bên quê cha nó, người ta đã thêm một lần nữa thành công rực rỡ trong cuộc đồ bộ nguyệt cầu. Vinh quang đó ăn nhằm gì đến

nó? Giờ đây nó hoàn toàn là quê mẹ, là một thành phần đương nhiên ghé vai vào gánh chịu định mệnh phũ phàng của đám con dân đương thụ quốc nạn.

.

o O o

Cuộc đời dày đặc những phi lý như thế đó. Thế nhân mang nặng hệ lụy như thế đó. Nhưng đâu có phải vì thế con người chỉ còn một cách nhìn và một lối đi: Chấp nhận địa ngục!

Không, đức Phật có dụ ngôn sau này về thân phận con người:

Kẻ bộ hành kia bị hổ đuổi. Y chạy đến bờ vực thì ngã xuống, một tay vớ được dây nho và cứ vậy lủng lẳng lủng lủng chùng miệng vực. Trên đầu y, con hổ đói đuổi hệt mỗi đương găm thét; dưới chân y một con hổ đói khác cũng đương găm thét, dán mắt

ngước nhìn như muốn thôi miên cho y buông tay mà rơi xuống. Dây nho giữ hẳn lủng lơ giữa hai con hổ đối. Hai chú chuột, một trắng một đen (ngày đêm) bắt đầu gặm nhấm dây nho. Y biết dây nho sớm muộn rồi cũng bị gặm nhấm cho đứt. Nhưng ngay trước mặt y, sát bên thành vức, là một chùm nho mọng ngọt. Một tay nắm giữ dây nho cho khỏi bị rơi, con tay kia y cố với hái lấy chùm nho mọng.

Nói làm sao hết được hương vị thơm đậm, hương vị ngọt ngào quý giá của trái nho mọng thưởng thức vào lúc đó!

o O o

Chẳng thể tìm đâu được một minh chứng nào sáng láng hơn về bề mặt tích cực của Thiền như dụ ngôn trên của đức Phật.

Tản Đà thực cũng đã rất Thiên với thái độ cao quý chấp nhận cuộc sống như vậy:

Giang sơn còn nặng gánh tình,

Giời chưa cho nghỉ, thì mình cứ đi.

Bao giờ trời bảo thôi đi,

Giang sơn cất gánh ta thì nghỉ ngơi.

Đời phù du, nhưng còn sống thì còn thờ cha kính mẹ, còn vun giồng tình bằng hữu nhân loại, còn tưới bón nghệ thuật để tô điểm cho đời. Nào có khác chi hành giả kia ở thế treo lơ lửng giữa hai chiều vực sâu, dây nho còn chưa đứt thì còn không quên thưởng thức chùm nho mọng ngọt. Chùm nho càng mọng ngọt khi được thưởng thức ở một hoàn cảnh như vậy.

o O o

Bên vai tôi mọc một sợi lông dài như tóc, thường thì tôi vẫn nhổ đi như nhổ một sợi tóc sâu. Rõ ràng nhổ tận rễ, mà rồi một tuần sau nó đã nhô lên, và một tháng sau, nó đã có lại chiều dài bề thế như cũ.

Thế thì thiên căn cũng như ác căn tự đâu nhô ra? Thích hợp với môi trường nào?

o O o

Tới đây dòng tư tưởng của tôi chợt xoay chiều về một ý nghĩ: buông xả. Tôi làm dùng nó làm lời kết thúc cho tập... (gọi là tập gì đây) cho tập giai thoại tùy bút này. Buông xả chính là hương Thiền tỏa ra. Không ôm giữ mà buông xả! Buông xả để thể nhập chân hư. Vạn sự nhẹ thênh, vắng lặng, nhất thể.

Độc Sử nước nhà: Trần Thái Tông (1198-1258) ở ngôi vua 33 năm, nhường

ngôi cho con, 19 năm lánh ra ở cung Bắc, thọ 60 tuổi;

Trần thánh Tông (1240-1292) ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi;

Trần Hưng Đạo cả phá giặc Nguyên, cứu nước xong rồi thì về lê trượng rúc ở miền núi, rừng, sông, biển Kiếp Bạc...

Đó là những gương buông xả. Thiên!

Phạm Lãi giúp Việt Vương Câu Tiễn xong thì đi một chiếc thuyền nhỏ, ra Tề nữ môn, qua Tam giang vào Ngũ hồ...

Trương Lương diệt bạo Tần xong lên núi khuất dạng....

Nguyễn Trãi sau khi Thái Tổ băng thấy còn lại triều đình cũng không lợi gì cho nước, lại còn có thể gây sự hiềm khích, bèn trở về vui với:

Côn Sơn có suối nước trong,

Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm

Đó là những gương của buồng xả. Thiên! Sách Cổ Học Tinh Hoa kể truyện Khổng tử vào miếu Hoàn công nước Lỗ nhìn chiếc lọ đổ nước quá đầy thì đổ bèn than rằng: “Hỡi ôi, ở đời chẳng cái gì đầy mà không đổ! » Và khi Tăng tử hỏi cách giữ sao cho đầy mà không đổ, ngài trả lời: “Thông minh thánh trí nên giữ bằng cách ngu độn, công lao to hơn thiên hạ nên giữ bằng cách khiêm cung, sức khoẻ hơn đời nên giữ bằng tính nhút nhát... Đó là cách đổ bớt đi để giữ cho khỏi đầy mà không đổ.”

Âu đó cũng cùng tinh thần với lời nói của Lão Tử. Để thân mình lại sau, thế mà thân mình đứng trước; gác thân mình ra ngoài thế mà thân mình vẫn còn; bởi mình

không có lòng riêng nên được thỏa lòng riêng.

Đó nếp sống chân thật quân bình của Thiền!



DOÃN QUỐC SỸ



**vào
thiền**